

# VĂN HOÁ PHÁP LUẬT VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

*Trương Văn Dũng\**

*Có thể hiểu văn hóa pháp luật bao gồm ba cấu thành: luật trên giấy, luật trong quan niệm và luật trong thực tiễn. Thu hẹp khoảng cách giữa các cấu thành này là hướng tới xây dựng một nền văn hóa pháp luật phát triển. Bài báo bàn về phạm trù văn hóa pháp luật, sự phát triển của văn hóa pháp luật trong thực tiễn Việt Nam và mối quan hệ của văn hóa pháp luật đối với phát triển con người ở nước ta những năm vừa qua.*

## **Đặt vấn đề.**

Văn hoá tồn tại cùng với lịch sử xã hội loài người. Người ta thường nói đến văn hóa dân tộc, văn hóa tộc người, văn hóa tổ chức hay văn hóa cộng đồng; đồng thời cũng có những thành tựu văn hóa, văn minh, các giá trị được coi là tài sản của loài người. Ở cấp độ cá nhân, văn hóa thấm vào nhân cách, lối tư duy, cách thức hành động của từng con người, trở thành nét văn hóa nhân cách, mà có nhà nghiên cứu gọi là văn hóa chủ thể (Adamopoulos & Kashima, 1999). Văn hóa là sự phát huy các năng lực bản chất của con người, là sự thể hiện đầy đủ nhất chất người, chính vì vậy văn hóa có mặt trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người. Các thuật ngữ văn hóa nhân cách, văn hóa gia đình, văn hóa tổ chức, văn hóa cộng đồng, văn hóa lao động, văn hóa kinh doanh, văn hóa chính trị, văn hóa pháp luật v.v. đang được sử dụng trong ngôn ngữ xã hội. Trong bài viết này chúng tôi điếm qua quan niệm về văn hóa pháp luật, các cấu thành và mối quan hệ của văn hóa pháp luật với phát triển con người.

## **1. Văn hoá và văn hóa pháp luật**

Văn hoá được các nhà văn hóa học coi

là sự kết tinh các giá trị vật chất và tinh thần, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Văn hóa được các nhà xã hội học định nghĩa như tập hợp các niềm tin, giá trị, tập tục, lối sống và các đặc trưng xã hội khác. Các nhà nhân học coi văn hóa là tập hợp những hành vi và quan niệm mà con người học hỏi được với tư cách là thành viên của xã hội (Schultz & Lavenda, 2001). Các nhà nghiên cứu Việt Nam thì cho rằng “Hai tiếng văn hoá chẳng qua là chỉ chung tất cả các phương diện sinh hoạt của loài người cho nên ta có thể nói rằng: Văn hoá tức là sinh hoạt” (Đào Duy Anh, 2000, tr.13); “Văn hoá là thể ứng xử, năng động của một cộng đồng hay một cá nhân đứng trước thiên nhiên, xã hội và đứng trước chính mình” (Trần Quốc Vương, 2000:87); “Là phong tục, tập quán, lối sống và lao động” (Bùi Ngọc Sơn, 2004:10). Chủ tịch Hồ Chí Minh thì cho rằng văn hóa là phương thức sống. Người viết “văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn (Hồ Chí Minh, 2000:431).

Văn hóa pháp luật là một bộ phận của

\* TS., Viện Nghiên cứu Con người.

văn hóa, là cách chúng ta sống xét trên bình diện pháp luật. Trong xã hội hiện đại, mặc dù quy tắc đạo đức được đề cao và coi trọng, nhưng pháp luật vẫn là phương tiện chủ yếu được Nhà nước sử dụng để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội. Không một chức năng nào của Nhà nước, không một hoạt động nào của các tổ chức, đoàn thể mà không cần đến sự điều chỉnh của pháp luật. Như vậy, pháp luật có vị trí, vai trò quan trọng trong mọi phương diện cuộc sống xã hội và con người. Vị trí, vai trò và tầm quan trọng đó thể hiện ở chỗ pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng các quy phạm pháp luật, bằng những nguyên tắc, hành vi, xử sự của nhà nước và những chế tài xử lý vi phạm, làm cho xã hội và con người phát triển trong một trật tự. Việc xây dựng và áp dụng pháp luật trong thực tiễn cuộc sống là một quá trình xuất phát từ quan điểm, nhận thức, thái độ đến hành động trước một hiện tượng xã hội. Quá trình đó lặp đi lặp lại, diễn ra trong nhiều lĩnh vực hoạt động, trên nhiều cấp độ, phạm vi giúp hình thành nên lĩnh vực văn hoá, được gọi là văn hoá pháp luật.

Từ những điều nêu trên, chúng ta có thể dẫn ra một số quan niệm và các thành phần cấu thành văn hóa pháp luật. Friedman (1997) cho rằng văn hóa pháp luật là tập hợp những quan niệm, giá trị, mong đợi và thái độ đối với các hiện tượng pháp luật. Quan niệm này đã từng bị phê phán do tính thiếu chặt chẽ. Nelken (2004) cho rằng văn hóa pháp luật là hình thái ổn định của hành vi và thái độ được định hướng xã hội về mặt pháp lý. Quan niệm này của Nelken nhấn mạnh định hướng hành vi. Phạm Duy Nghĩa (2008) cho rằng văn hóa pháp luật là một cách nhìn về luật pháp, đặt luật pháp trong

những tương quan đa chiều với khoa học hành vi, cách nghĩ, cách ứng xử, tôn giáo, niềm tin, các đặc tính nhân học của cộng đồng và tộc người. Quan niệm này tỏ ra khá phóng khoáng trong xác định phạm trù văn hóa pháp luật, do vậy có thể có những điểm thiếu xác định.

Không kỳ vọng đưa ra định nghĩa về văn hóa pháp luật, nhưng để có công cụ cho phân tích ở phần sau, chúng tôi cho rằng văn hóa pháp luật là cách chúng ta quan niệm, nhìn nhận và hành xử về mặt pháp luật. Và theo quan niệm này, có thể xem xét văn hóa pháp luật trên ba cấp độ: luật trên giấy, luật trong nhận thức, quan niệm, thái độ và luật trong hành động thực tiễn (Phạm Duy Nghĩa, 2008). Theo quan niệm như vậy, có thể xem xét văn hóa pháp luật trên ba thành tố cấu thành: (1) Luật trên giấy thể hiện quan điểm, triết lý và các quy phạm pháp luật đã được chấp nhận bởi các cơ quan lập pháp; (2) Luật trong quan niệm, thái độ, nhận thức bao gồm sự hiểu biết về luật pháp, quan niệm đúng sai, tính hợp lý hay sự chấp nhận hay phê phán trong ý tưởng, trong suy nghĩ ở các cấp độ nghiên cứu, ý thức pháp luật của người quản lý, của người dân; và (3) Luật trong hành vi ứng xử, thể hiện mức độ thực thi pháp luật trong thực tế. Thông thường tồn tại những khoảng cách giữa các cấu thành này và mức độ khác nhau của khoảng cách này phụ thuộc vào các chủ thể thực thi, chấp hành pháp luật và các nhóm người thực thi và chấp hành pháp luật.

Văn hoá pháp luật có phần liên quan đến việc điều chỉnh các hành vi, cách xử sự của con người, hướng các hoạt động của con người theo những chuẩn mực nhất định. Theo đó, pháp luật trở thành công

cụ, phương tiện điều hoà các quan hệ xã hội để các hành vi này trở lên tự động hơn. Thực tiễn phát triển kinh tế xã hội cho thấy, mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước được thể chế hoá bằng pháp luật, tức là được quy định cụ thể bằng những quy phạm pháp luật. Thông qua đó, cơ quan thực thi pháp luật, đối tượng bị điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện và giám sát việc thực hiện đúng và đầy đủ các quy định đó. Việc chấp hành và tuân thủ các quy định của pháp luật trong thực tiễn (hoạt động) phụ thuộc vào mức độ nhận thức, ý thức pháp luật, quan niệm đúng sai, nhận thức mức độ nghiêm túc trong thực thi. Khi con người có nhận thức, có kiến thức đầy đủ về luật pháp, có quan niệm đúng và có thái độ nghiêm túc đối với việc thực thi pháp luật thì họ sẽ chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp trong hành động thực tiễn. Ngược lại, con người không có thái độ, quan niệm nghiêm túc hay đúng đắn về pháp luật và việc thực thi pháp luật, hay thiếu kiến thức về luật pháp, họ sẽ vi phạm pháp luật trong hành động. Trong trường hợp chế tài cưỡng chế thi hành pháp luật đúng mức, đủ sức răn đe, con người sẽ thay đổi thái độ thực thi pháp luật. Ví dụ, vượt đèn đỏ là một hành vi vi phạm pháp luật. Trong trường hợp này, có thể do người đi xe không biết việc vượt đèn đỏ là vi phạm, nhưng cũng có thể người đi xe biết đó là hành động vi phạm pháp luật, nhưng cố tình vi phạm. Người đi xe chịu phạt tiền từ 200.000đồng đến 300.000đồng. Lần sau anh ta có thể sẽ không vi phạm nữa do nhận thức và thái độ đã thay đổi. Thông qua việc cưỡng chế thực thi pháp luật, thái độ của con người thay đổi và hình thành

thói quen chấp hành pháp luật. Như vậy, văn hoá pháp luật ở cấp độ cá nhân không đơn thuần chỉ là nhận thức, hiểu biết mà còn là hành vi thực hiện, chấp hành của con người dần trở thành thói quen, được xây dựng trên cơ sở những giá trị, chuẩn mực pháp luật. Dưới đây, chúng tôi điểm qua một số nội dung cơ bản của văn hoá pháp luật.

*(a) Hệ thống pháp luật (Luật trên giấy)*

Hệ thống pháp luật (có nơi gọi là nền pháp luật) là công cụ, phương tiện quản lý của nhà nước đối với xã hội. Những thành quả của con người trong quá trình lao động sáng tạo đem lại dù to lớn, hiện đại đến bao nhiêu đi chăng nữa và muốn sử dụng, duy trì và bảo vệ nó cũng phải cần đến một sự kiểm soát, quản lý chặt chẽ của nhà nước, mà công cụ quản lý đó chính là pháp luật. Xã hội ngày càng phát triển thì đòi hỏi hệ thống pháp luật cũng phải không ngừng hoàn thiện và đáp ứng nhu cầu của con người và xã hội. Sự hoàn thiện đó không chỉ đơn thuần ở số lượng văn bản luật, mà còn phải đòi hỏi nội dung luật phải đầy đủ, rõ ràng, dễ vận dụng, nhưng phải chặt chẽ để tạo ra một sự phát triển bền vững trong khi áp dụng pháp luật. Hay nói cách khác hệ thống pháp luật không chỉ tham gia giải quyết, điều hoà các quan hệ xã hội với nhau, mà còn phải tạo ra động cơ, động lực, điều kiện, cơ hội để con người phát huy tiềm năng của mình vào sản xuất tạo ra của cải vật chất, nâng cao đời sống tinh thần của cá nhân, cộng đồng và xã hội. Ví dụ, việc đổi mới và hoàn thiện Luật đất đai năm 2003, quyền của người dân được mở rộng (quyền sử dụng, chiếm hữu, định đoạt), người dân có quyền thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn sản xuất, kinh doanh, làm giàu cho

bản thân và đóng góp các nghĩa vụ cho nhà nước. Việc hoàn thiện Luật doanh nghiệp năm 2005 tạo ra môi trường pháp lý bình đẳng, công bằng, công khai, minh bạch cho các loại hình doanh nghiệp khi con người tham gia các loại thị trường dịch vụ hàng hoá. Sự ra đời của luật cạnh tranh góp phần quan trọng trong việc lành mạnh hoá thị trường. Sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật là cơ sở, nền tảng cho mọi sự phát triển của xã hội, làm cho xã hội ngày càng văn minh, thịnh vượng.

(b) *Ý thức pháp luật (Luật trong quan niệm)*

Ý thức pháp luật của con người phụ thuộc vào trình độ học vấn, địa vị xã hội của mỗi con người. Ở mỗi con người đều có những nhận thức, tình cảm, thái độ, lòng yêu quê hương, gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng hoà bình, công lý, chính nghĩa, không sợ gian khổ hy sinh v.v. Những phẩm chất tốt đẹp ấy được phản ánh trong quá trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật của nhà nước qua các thời kỳ lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Ý thức pháp luật bao gồm: “trí tuệ pháp luật; tình cảm pháp luật và ý chí, thói quen pháp luật” (Lê Đức Tiết, 2005:36). Ý thức pháp luật giúp con người nhận thức, hiểu biết đúng đắn về các quy định của pháp luật; phân biệt được đúng sai; có quan điểm thái độ rõ ràng (tin tưởng, yêu, ghét, phản đối, khâm phục v.v.), tạo cơ sở xây dựng cho mình một phong cách, lối sống có nề nếp, kỷ cương, kỷ luật; hướng đến những hành động (hoạt động) trong thực tiễn cuộc sống (công việc) hàng ngày đúng với quy định của pháp luật, phù hợp với lợi ích cá nhân và cộng đồng. Bởi, việc một người thực hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với xã hội,

chính là họ đã làm cho người khác được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật và ngược lại. Với một ý thức pháp luật đầy đủ, mỗi con người sẽ có trách nhiệm hơn đối với cộng đồng và xã hội, tôn trọng trật tự xã hội, tạo ra sự hài hoà giữa cá nhân và cộng đồng, thúc đẩy sự phát triển con người phồn vinh, thịnh vượng. Thực tiễn phát triển con người, chính là làm cho con người ngày càng được hưởng nhiều (đầy đủ) quyền lợi hơn.

(c) *Áp dụng pháp luật (Luật trong thực tiễn)*

Do những điều kiện tự nhiên và xã hội nhất định, việc điều hành của nhà nước nhiều khi dựa quá nhiều vào các quy tắc đạo đức. Do vậy, nhiều điều luật được thông qua trên văn bản nhưng chưa được đưa vào thực thi đầy đủ. Xây dựng cơ sở để thực thi có hiệu quả luật pháp trong thực tiễn là cách làm hữu hiệu duy trì một xã hội có pháp chế nghiêm minh, có kỷ cương chặt chẽ. Thực tế quản lý xã hội những năm gần đây đã cho những bài học quý giá. Thành công trong tạo dựng văn hóa pháp luật trong thực tiễn ở việc Chính phủ ra quyết định cấm đốt pháo và yêu cầu đội mũ bảo hiểm là những ví dụ thuyết phục trong thay đổi luật trong thực tiễn.

Cùng với thành tựu kinh tế trong hơn 20 năm đổi mới, khoa học pháp lý cũng không ngừng hoàn thiện đã giúp cho Đảng, Nhà nước tìm ra được mô hình tổ chức, điều hành bộ máy Nhà nước một cách gọn nhẹ có hiệu lực, hiệu quả. Khoa học pháp lý phát triển, giúp cho việc nghiên cứu và vận dụng nhuần nhuyễn các học thuyết cơ bản về quản lý xã hội. Vận dụng pháp luật chính là sự kết hợp các yếu tố “con người, đạo đức và pháp luật” trong

quản lý xã hội.

Luật trong thực tiễn hầu như còn có khoảng cách khá xa so với luật trên văn bản. Không phải mọi điều khoản pháp luật đều được thực thi nghiêm túc trong thực tiễn. Như đã nêu ở trên, việc thực thi pháp luật phụ thuộc rất nhiều vào ý thức, quan niệm của những người thay mặt nhà nước thi hành pháp luật và ý thức, quan niệm của những người là đối tượng của việc thực thi pháp luật. Nếu khoảng cách giữa luật trên giấy, luật trong quan niệm và luật trên thực tiễn là nhỏ thì văn hóa pháp luật ở trình độ phát triển cao.

## 2. Quá trình phát triển pháp luật và văn hoá pháp luật ở Việt Nam

### (a) Pháp luật và văn hoá pháp luật Việt Nam trước Cách mạng tháng 8

Quá trình phát triển văn hoá pháp luật luôn gắn với quá trình hình thành, xây dựng và phát triển pháp luật, theo lịch sử dựng nước và giữ nước. Khi mới nhà nước Văn Lang hình thành, tuy chỉ là tổ chức Nhà nước đơn giản, nhưng xã hội Việt Nam lúc này là xã hội có tổ chức, có kỷ cương, trên có vua, dưới có các lạc hầu, lạc tướng. Người dân đã sống trong xã hội có phép tắc. Nhờ đó, dân tộc Việt Nam mới có sức mạnh của cả cộng đồng để đập vỡ chống lũ, khai phá đất đai, ổn định cuộc sống, để chống trả các cuộc chiến tranh xâm lược từ bên ngoài. Cho đến thế kỷ XI, thì Việt Nam đã có bộ luật thành văn, cụ thể là "Năm 1042 Lý Thái Tông cho sửa định luật lệ, chăm chú nhiều điều thời thế thông dụng thành môn loại, biên rõ điều mục làm thành bộ Hình thư của triều đại" (Lê Đức Tiết, 2005: 107).

Từ triều đại nhà Lý trở về sau, pháp luật đã không những được hoàn thiện cho phù hợp, tức là đã tạo ra nền móng vật

chất của nền văn hoá pháp luật (Lê Đức Tiết, 2005). Cụ thể là: Các Vua của Triều nhà Lý tiếp tục ban hành những luật lệ bổ sung. Nội dung bộ Hình thư gồm nhiều điều khoản được dùng để quản lý các mặt hoạt động của xã hội thuộc các lĩnh vực hành chính, dân sự, hình sự, quân sự nhằm củng cố quyền lực nhà nước, phát triển kinh tế, văn hoá và chăm lo đời sống nhân dân. Nhà Trần, năm 1230 đã soạn Quốc triều thống chế và sửa đổi hình luật. Trong những năm 1428 - 1433, Lê Thái Tổ (tức Lê Lợi) đã ban hành 32 điều luật nhằm ổn định đất nước sau hơn 10 năm chiến tranh. Đó là các điều luật khuyến khích phục hoá đất bị bỏ hoang, quy định thể lệ chia lại ruộng đất cho những người đi đánh giặc nay trở về mà không có ruộng đất cày cấy, ban hành lệnh cấm cờ bạc với hình phạt rất nghiêm. Từ năm 1471 đến năm 1483, trong 13 năm liền, Lê Thánh Tông cho sưu tập tất cả các đạo luật do các triều vua Lê trước đó ban hành rồi sửa lại ... ban hành áp dụng vào năm 1483 với cái tên Quốc triều hình luật và gọi là Bộ luật Hồng Đức. Bộ luật Hồng Đức có những điều quy định bảo vệ nghiêm ngặt về bảo vệ quyền sở hữu đất đai của nông dân, chống lại sự cướp bóc của quan lại, ... chống lại thói hư tật xấu, như mê tín dị đoan, cờ bạc, cuồng dâm, bạo dâm, ... khuyến khích tinh thần tương thân, tương ái giúp đỡ những cô nhi, quả phụ, người già yếu v.v. Quá trình phát triển và hoàn thiện pháp luật của các triều đại vua như đã nêu trên cho thấy pháp luật dù ở thời đại nào cũng gắn liền với việc xây dựng, bảo vệ đất nước, bảo vệ quyền con người, làm lành mạnh xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển xã hội và con người.

### (b) Pháp luật và văn hoá pháp luật sau

### Cách mạng tháng 8

Kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp về ý thức pháp luật của các triều đại trước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, luật pháp đã được hoàn thiện trên cơ sở những quan niệm triết lý pháp luật tiến bộ, bảo đảm lợi ích của toàn dân, đặc biệt là người lao động. Cùng với điều đó, ý thức pháp luật của người dân Việt Nam đã có những bước tiến bộ trên nhiều mặt. Đặc biệt, trong hơn 20 năm đổi mới, qua việc thu hút ngày càng rộng rãi quần chúng nhân dân tham gia công tác lập pháp, bảo vệ, giám sát thi hành pháp luật, trên nguyên tắc nhà nước của dân, do dân và vì dân và pháp luật là công cụ, phương tiện để bảo vệ nhân dân, đồng thời cũng là phương tiện, cơ sở, nền tảng thúc đẩy mọi sự phát triển của con người và xã hội.

Sau khi thống nhất đất nước, việc quản lý của Nhà nước, quản lý xã hội bằng pháp luật là một đòi hỏi cấp bách được đặt ra. Nhận thức được điều đó, trong công tác xây dựng và hoàn thiện pháp luật của Đảng, Nhà nước và của toàn thể xã hội đã có sự thay đổi căn bản. Trong quản lý nhà nước, nguyên tắc “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật” trở thành nguyên tắc Hiến định và được ghi rõ trong Hiến pháp 1980 và được khẳng định lại trong Hiến pháp 1992. Đây là sự đổi mới quan trọng về mặt luật trên giấy, luật trong quan niệm, ý thức và luật trong cuộc sống.

Trong hơn 60 năm qua, thành tựu to lớn mang tính đột phá, chuyển biến về chất lượng của pháp luật là đã xây dựng và ban hành được các Hiến pháp (1946, 1959, 1980, 1992). Đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới (1986) đến nay, Nhà nước đã ban hành khoảng 13.000 văn bản luật các loại, trong đó có hơn 40 bộ luật, trên 120

pháp lệnh, gần 850 văn bản của Chính phủ và trên 3000 văn bản pháp quy của các bộ, ngành v.v (Lê Trung Hoài, 2008:8). Cùng với hệ thống pháp luật của nhà nước, trên cơ sở các quy định của pháp luật (Luật và Nghị định) các tổ chức đoàn thể, trường học, thôn, bản, tổ dân phố cũng xây dựng cho mình những quy định mang tính chất pháp lý để quản lý và điều hành các hoạt động trong nội bộ ở thôn, bản, tổ dân phố thông qua các hương ước, nội quy ở trường học, điều lệ ở doanh nghiệp.

### 4. Tác động của văn hoá pháp luật tới phát triển con người ở Việt Nam

Trước hết, phát triển con người có thể hiểu là sự mở rộng cơ hội lựa chọn của con người, hàm ý là sự tạo các điều kiện để họ thực hiện sự lựa chọn đó, được sống lâu và khỏe mạnh, được học hành và được tiếp cận với các nguồn lực cần thiết để đảm bảo cuộc sống ấm no. Phát triển con người cũng được coi là sự tăng cường năng lực và sử dụng các năng lực để thực hiện những công việc và ý tưởng mà họ cho là có giá trị (UNDP, 1990). Như vậy, khi xem xét mối quan hệ giữa văn hóa pháp luật và phát triển con người, chúng ta cần phải phân tích xem liệu văn hóa pháp luật có giúp tăng cường các cơ hội lựa chọn của con người hay không theo các cấu thành của văn hóa pháp luật: luật trên văn bản, luật trong quan niệm và luật trong thực tiễn.

Trước hết, luật trên văn bản có tác động lớn (tạo điều kiện hay cản trở) đến phát triển con người. Nếu các điều khoản của luật pháp tạo điều kiện cho con người có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển năng lực thì sự tác động là tích cực; ngược lại, nếu các luật pháp cản trở sự tiếp cận nguồn lực của

người dân và không tạo điều kiện cho phát triển năng lực thì sự tác động của văn hóa pháp luật ở mức độ luật trên văn bản là tiêu cực. Luật trong quan niệm cũng có thể phân tích theo lô-gíc tương tự. Luật trong thực tiễn có ý nghĩa rõ ràng, thể hiện ở việc thực thi pháp luật và cho thấy những kết quả rõ ràng trong thay đổi thực tiễn. Những kết quả này còn thể hiện ở sự thay đổi thói quen, hành vi có tác động đến tạo thêm sự bình đẳng giữa các nhóm người, có lợi cho nhóm người thiệt thòi, người ở vùng sâu, vùng xa, vùng kém phát triển và tạo ra sự bình đẳng giữa các thế hệ trong tiếp cận sự giàu có của tự nhiên, sự trong lành của môi trường.

Điều luật không phải là sự trói buộc tự do con người. Trái lại, nội dung của điều luật chính là sự chỉ dẫn cho con người cách suy nghĩ đúng, cách hành động đúng với quy luật tồn tại của thiên nhiên, của xã hội. Nội dung của điều luật, đạo luật là sự tổng kết kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, là sự nhận thức quy luật khách quan của con người.

Văn hoá pháp luật làm cho con người nhận thức được rằng, tôn trọng pháp luật, làm đúng theo điều luật là cách tốt nhất để bảo vệ quyền lợi và tự do của mình đồng thời không làm thiệt hại đến quyền lợi của người khác, của xã hội và của quốc gia v.v. Văn hoá pháp luật làm cho con người có bản lĩnh trong việc tự kiểm chế trước những dục vọng trái kỹ cương, trái pháp luật. Họ thấy ở con người mục thước trong đối nhân xử thế, con người tự ghép mình vào những quy tắc nhất định. Những gia đình sống có nề nếp, biết tôn trọng giữ gìn gia phong là những con người đẹp, những gia đình hạnh phúc. Con người và gia đình có văn hoá pháp luật là những chủ thể sống hoà nhập với xã hội và được xã hội

gắn gũi, quý mến.

Văn hoá pháp luật làm cho con người thói quen tuân thủ pháp luật cũng là con người hăng hái trong đấu tranh chống vi phạm kỹ cương pháp luật, giống như con người có thói quen giữ gìn sạch sẽ thì khó dung hoà được với những người ăn, ở, sinh hoạt thiếu trật tự, vệ sinh. Văn hoá pháp luật góp phần quan trọng trong đấu tranh chống tham nhũng, cải cách hành chính; phát động nhân dân hăng hái tham gia công tác giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà nước; bài trừ mê tín, dị đoan; chống mại dâm, cờ bạc, nghiện hút; chống buôn lậu; lập lại trật tự giao thông, chống lấn chiếm hè đường, xây dựng trái phép; chống văn hoá độc hại v.v... và do đó tác động đến phát triển con người nói chung.

Ở Việt Nam công cuộc đổi mới đã tạo dựng cơ sở pháp lý thuận lợi cho sự phát triển con người. Quá trình cải cách thể chế bắt đầu bằng việc giao đất cho các hộ nông dân, mở rộng phạm vi lựa chọn cho người nông dân để họ có thể sử dụng và quản lý đất đai và sản xuất có hiệu quả. Những cơ sở pháp lý thông thoáng trong mở cửa, hội nhập, trong phát triển kinh tế thị trường, trong quan hệ quốc tế, trong cơ hội tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế, lao động việc làm v.v. đã mang lại hiệu quả to lớn. Những cải cách này trong luật pháp trên văn bản xuất phát từ sự thay đổi trong quan điểm, triết lý phát triển và nhận thức, ý thức pháp luật của các nhóm dân cư. Chính sự thay đổi quan niệm và thái độ này là cơ sở vững chắc cho việc thực thi pháp luật trong thực tiễn, và điều đó đã tác động đến mở rộng cơ hội cho người dân và đặc biệt người yếu thế trong tiếp cận nguồn lực và phát triển năng lực.

Tóm lại, có thể hiểu văn hoá pháp luật

bao gồm ba cấu thành: luật trên giấy, luật trong quan niệm và luật trong thực tiễn. Khoảng cách giữa các cấu thành này là vấn đề của việc xây dựng một nền văn hóa pháp luật phát triển. Muốn luật trên giấy có thể được hoàn thiện và được thực thi trong thực tiễn một cách hiệu quả, luật trên giấy cũng phải được xây dựng trên cơ sở các triết lý, quan điểm và hệ giá trị phù hợp. Các giá trị đó tạo điều kiện và động lực thúc đẩy cho sự hoàn thiện không chỉ trong lĩnh vực pháp luật, mà bảo đảm cho sự phát triển con người nói chung. Nếu coi sự phát triển con người là sự mở rộng lựa chọn, thì luật trên giấy, luật trong quan niệm và luật trong thực tiễn phải tạo điều kiện cho sự mở rộng cơ hội, tận dụng cơ hội, phát triển năng lực của con người, điều đó có nghĩa là văn hóa pháp luật tạo điều kiện cho sự phát triển con người; ngược lại, nếu luật trên giấy, luật trong quan niệm và luật trong thực tiễn không tạo điều kiện cho sự mở rộng cơ hội lựa chọn của con người, nền văn hóa pháp luật, thực chất, đã cản trở sự phát triển của con người. Văn hóa pháp luật Việt Nam đang phát triển, hướng tới sự hoàn thiện hơn, thể hiện trong sự hoàn thiện pháp luật trên văn bản, những thay đổi trong quan niệm, ý thức và sự tiến bộ rõ rệt trong thực thi pháp luật. Điều đó giúp khẳng định rằng văn hóa pháp luật Việt Nam đang tạo điều kiện vững chắc cho sự phát triển con người ở Việt Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Duy Anh. 2000. *Việt Nam văn hoá sử cương*. Nxb. Hội nhà văn- Hà Nội.
- Adamopoulos J. Kashima Y. 1999. *Social Psychology and Cultural Context*. Sage Publications, London.
- Friedman, M.L. 1997. The concept of legal culture: Reply" in Nelken (Ed.) *Comparing legal cultures* (Aldersht: Dartmouth Publishing Company).
- Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập, tập 3*. Nxb. Chính trị quốc gia - Hà Nội.
- Nelken D. 2004. Using the concept of legal culture, *Australian Journal of Legal Philosophy*.
- Bùi Ngọc Sơn. *Xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh văn hoá Việt Nam*. Nxb. Tư pháp, 2004, tr. 10.
- Schultz E. & Lavenda R. 2001. *Nhân học - Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Lê Đức Tiết. 2005. *Văn hoá pháp Việt Nam*. Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
- Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. 2001. *Báo cáo Phát triển Con người 2001 - Đổi mới và Sự nghiệp Phát triển con người*. Nxb. Chính trị Quốc gia - Hà Nội.
- UNDP. 1990. *Human Development Report*, New York: UNDP.
- Trần Quốc Vượng. 2000. *Văn hoá Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*. Nxb. Văn hoá dân tộc. Hà Nội.